

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 309/NQ - HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2651/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo số 471/BC-DT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình), với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của Chương trình

a) *Tại Mục I, Mục II Biểu số 04 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Giảm tổng mức vốn giai đoạn 2021-2025 của huyện Mường Lát từ 37.697 triệu đồng xuống 37.696 triệu đồng (giảm 01 triệu đồng) và tăng tổng mức vốn giai đoạn 2021-2025 của huyện Quan Sơn từ 38.674 triệu đồng lên 38.675 triệu đồng (tăng 01 triệu đồng).

b) *Tại Mục III Biểu số 04 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Đưa ra khỏi danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Dự án Trường Trung học dân tộc bán trú Trung Thành, huyện Quan Hóa của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5, với tổng mức đầu tư là 2.930 triệu đồng.

c) *Tại Mục IX, Mục X Biểu số 04 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Giảm kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của các dự án trên địa bàn huyện Như Thanh là 01 triệu đồng; huyện Như Xuân là 01 triệu đồng, để đảm bảo tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 bố trí thực hiện Tiểu dự án 1 trên địa bàn huyện Như Thanh là 12.034 triệu đồng, huyện Như Xuân là 28.374 triệu đồng, cụ thể:

- Số vốn giai đoạn 2021-2025 của Dự án Trường Trung học cơ sở dân tộc bán trú Thanh Tân, huyện Như Thanh là 5.247 triệu đồng, giảm 01 triệu đồng còn 5.246 triệu đồng.

- Số vốn giai đoạn 2021-2025 của Dự án Trường Trung học cơ sở dân tộc bán trú Thanh Hòa, huyện Như Xuân là 5.331 triệu đồng, giảm 01 triệu đồng, còn 5.330 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của Chương trình

2.1. *Tại Phụ lục I Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Điều chỉnh tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch năm 2022 như Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

2.2. *Tại Phụ lục II Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của các huyện, đối với các dự án như Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

2.3. *Tại Phụ lục III Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh:* Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung

ương năm 2022 của các huyện, đối với các dự án như Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này.

2.4. Tại Phụ biểu II.10, Phụ biểu II.11 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Điều chỉnh mục tiêu, các nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của các huyện và các dự án của Dự án 6 như Phụ lục V, VI kèm theo Nghị quyết này.

2.5. Tại Phụ biểu III.9 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Điều chỉnh mục tiêu, các nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các huyện của Dự án 6 như Phụ lục VII kèm theo Nghị quyết này.

2.6. Tại Phụ biểu III.14 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của Ban Dân tộc tỉnh và cấp huyện của Dự án 10 như Phụ lục VIII kèm theo Nghị quyết này.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: Đối với nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các quy định của pháp luật có liên quan, xây dựng phương án phân bổ chi tiết báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau: Giao bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; căn cứ vào nguồn vốn được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thực hiện giao chi tiết đến từng dự án, mục tiêu, nội dung cụ thể theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh: Căn cứ Nghị quyết này và Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao vốn ngân sách Trung ương năm 2022 của Chương trình cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục I: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CỦA DỰ ÁN 8: ĐIỀU DƯ AN: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỎ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CỎ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ GIAI ĐOẠN 2021-2025 TẠI BIỂU SỐ 04 NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình; đơn vị	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô	Dự kiến tổng mức đầu tư tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Điều chỉnh kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Dự kiến tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
						Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG			89.879	89.879	2.933	1	86.947	49.252	
I	Huyện Mường Lát			37.697	37.697	1		37.696	1	Điều chỉnh giảm 01 triệu đồng để đảm bảo theo đúng số liệu sau khi cộng từ số vốn bố trí cho các dự án
II	Huyện Quan Sơn			38.674	38.674		1	38.675	38.675	Điều chỉnh tăng 01 triệu đồng để đảm bảo theo đúng số liệu sau khi cộng từ số vốn bố trí cho các dự án
II	Huyện Quan Hóa			2.930	2.930	2.930				
1	Trường TH DTBT Trung Thành, huyện Quan Hoá	Xã Trung Thành, huyện Quan Hóa	Đầu tư bổ sung công trình phụ trợ (thoát nước, khuôn viên, tường rào, nước sạch; sửa chữa phòng học)	2.930	2.930	2.930				Đưa dự án ra khỏi danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
IV	Huyện Như Thanh			5.247	5.247	1		5.246	5.246	
1	Trường THCS DTBT Thanh Tân, huyện Như Thanh	Xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	Đầu tư bổ sung phòng học bộ môn, nhà kho chứa lương thực, phòng QLHS, công trình phụ trợ (Hệ thống thoát nước, khuôn viên, cây xanh,...); sửa chữa công trình vệ sinh và hệ thống nước sạch	5.247	5.247	1		5.246	5.246	Điều chỉnh giảm 01 triệu đồng để đảm bảo theo đúng số liệu sau khi cộng từ số vốn bố trí cho các dự án
V	Huyện Như Xuân			5.331	5.331	1		5.330	5.330	
1	Trường THCS DTBT Thanh Hoá, huyện Như Xuân	Xã Thanh Hoá, huyện Như Xuân	Đầu tư bổ sung nhà công vụ giáo viên, phòng học bộ môn, công trình phụ trợ (Sân khuôn, hệ thống thoát nước,...); sửa nhà ở bán trú	5.331	5.331	1		5.330	5.330	Điều chỉnh giảm 01 triệu đồng để đảm bảo theo đúng số liệu sau khi cộng từ số vốn bố trí cho các dự án

Phụ lục II: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TẠI PHỤ LỤC NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 309/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW năm 2022 tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	17.196	17.196	
I	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	17.196	17.196	
1	Nội dung 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu	599	570	Điều chỉnh giảm 29 triệu đồng
2	Nội dung 15: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5.133	4.890	Điều chỉnh giảm 243 triệu đồng
3	Nội dung 17.1: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt của các dân tộc thiểu số	10.266	9.780	Điều chỉnh giảm 486 triệu đồng
4	Nội dung 18.1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.198	1.956	Điều chỉnh tăng 758 triệu đồng

Truyền thông,
tuyên truyền,
vận động trong
vùng đồng bào
dân tộc thiểu
số và miền núi,
kiểm tra, giám
sát đánh giá
việc tổ chức

STT	Đơn vị	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh																Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh																Ghi chú																
		Chi tiết dự án thành phần																Chi tiết dự án thành phần																																
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, an dưỡng dân cư ở những nơi cần thiết						Dự án 3: Phát triển giao thông, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em						Dự án 8: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình						
		Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn DBKK	Dương tiến xã chưa được kiến cổ bản	Hỗ trợ cấp, cai tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới cơ sở	Hỗ trợ cứu trợ, sửa chữa chợ	Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn DBKK	Dương tiến xã chưa được kiến cổ bản	Hỗ trợ cấp, cai tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới cơ sở	Hỗ trợ cứu trợ, sửa chữa chợ	Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn DBKK	Dương tiến xã chưa được kiến cổ bản	Hỗ trợ cấp, cai tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới cơ sở	Hỗ trợ cứu trợ, sửa chữa chợ	Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn DBKK		Dương tiến xã chưa được kiến cổ bản	Hỗ trợ cấp, cai tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới cơ sở	Hỗ trợ cứu trợ, sửa chữa chợ												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33																		
A	TỔNG SỐ VON TRUNG ƯƠNG GIẢI	238.108	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	44.755	17.196	5.397	2.003	238.108	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	44.755	17.196	5.397	2.003																			
B	TỔNG SỐ VON PHÂN BỐ ĐỢI SẠY	238.108	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	44.755	17.196	5.397	2.003	238.108	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	44.755	17.196	5.397	2.003																			
1	CẤP TỈNH	9.242											7.239			2.003	9.242											7.239			2.003																			
1	Ban Dân tộc tỉnh	2.003														2.003	2.003														2.003																			
2	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	7.239											7.239				7.239											7.239																						
II	CẤP HUYỆN	228.866	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	37.516	17.196	5.397		228.866	43.558	13.560	29.998	13.966	111.233	77.754	22.400	4.578	4.196	2.305	37.516	17.196	5.397																				
1	Huyện Khương Lát	32.522	3.500	1.000	2.500	6.784	13.675	13.675					6.654		1.799		32.738	3.500	1.000	2.500	6.784	13.675	13.675					6.654	326	1.799		Tăng 216 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
2	Huyện Quan Hóa	24.877	2.920	920	4.500	1.944	8.888	8.125		763			4.228		1.799		27.332	5.420	920	4.500	1.944	8.888	8.125				763	4.228	5.053	1.799		Tăng 2.455 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
3	Huyện Quan Sơn	22.792	3.720	720	3.000	4.374	11.192	5.592	5.600				3.073		1.71		22.685	3.720	720	3.000	4.374	11.192	5.592	5.600				3.073	326			Giảm 107 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
4	Huyện Hà Tĩnh	22.508	3.280	1.880	1.400		11.872	11.872					2.052		5.304		22.257	3.280	1.880	1.400			11.872	11.872				2.052	5.053			Giảm 251 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
5	Huyện Lang Chánh	24.443	6.600	1.000	5.600	864	10.436	4.873	4.800	763			4.739		1.799		24.438	6.600	1.000	5.600	864	10.436	4.873	4.800	763			4.739		1.799		Giảm 5 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
6	Huyện Ngọc Lặc	14.002	1.320	1.320			9.001	2.553	4.000	1.526			922	3.509	171		13.993	1.320	1.320				9.001	2.553	4.000	1.526		922	3.509	163		Giảm 9 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		
7	Huyện Cẩm Thủy	7.364	800	800			4.196						4.196	2.368			7.527	800	800								4.196		2.368	163		Tăng 163 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																		

STT	Đơn vị	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh															Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh															Ghi chú																				
		Chỉ tiết dự án thành phần															Chỉ tiết dự án thành phần																																			
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					Dự án 3: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					Dự án 4: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					Dự án 5: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em					Dự án 6: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						Dự án 7: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					Dự án 8: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					Dự án 9: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					Dự án 10: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
Tổng cộng		Nội dung		Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		Tổng cộng		Nội dung		Dự án 3: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		Dự án 4: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		Dự án 5: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		Dự án 6: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Dự án 7: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Dự án 8: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		Dự án 9: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		Dự án 10: Tuyên truyền, vận động trong công đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																												
Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn ĐHKK	Dường lên xã chưa được kiến cơ hạ	Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới chợ	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa chợ	Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn ĐHKK	Dường lên xã chưa được kiến cơ hạ	Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới chợ	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa chợ	Tổng cộng	Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Tổng cộng	Hỗ trợ các xã, thôn ĐHKK	Dường lên xã chưa được kiến cơ hạ	Hỗ trợ nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã	Hỗ trợ đầu tư xây mới chợ	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa chợ																										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33																				
8	Huyện Thương Xuân	18.200	5.478	1.480	3.998		9.766	9.305				461	2.362	600			18.339	5.478	1.480	3.998		9.766	9.305			461	2.362	733			Tăng 133 triệu đồng so Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					
9	Huyện Như Xuân	26.400	7.200	1.000	6.200		16.774	9.987	4.800	1.526		461	2.487				26.624	7.200	1.000	6.200		16.774	9.987	4.800	1.526		461	2.487	163			Tăng 164 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																				
10	Huyện Như Thanh	12.437	4.040	1.240	2.800		5.968	5.968					2.358	171			12.529	4.040	1.240	2.800		5.968	5.968				2.358	163			Giảm 8 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					
11	Huyện Thạch Thành	21.794	4.500	2.000			8.304	4.643	3.200			461	3.686	5.304			19.043	2.000	2.000			8.304	4.643	3.200		461	3.686	5.053			Giảm 2.751 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					
12	Huyện Triệu Sơn	1.089	160	160			929	929									1.089	160	160			929	929								Giữ nguyên mức vốn tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					
13	Huyện Thọ Xuân																																																			
14	Huyện Hà Trung	40	40	40													40	40	40												Giữ nguyên mức vốn tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					
15	Thị xã Nghi Sơn	232					232	232									232					232	232								Giữ nguyên mức vốn tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh																					

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần																							Ghi chú	
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				
			Tổng	Mua sắm máy móc, nông cụ	Số hộ có nhu cầu học nghề	Hỗ trợ phân tán		Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiêu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khai sư kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng	Hỗ trợ các xã, thôn BDKK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Tổng	Tiêu dự án 1: Đồi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân cư đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình				Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
27	Ban QLRPH Thường Xuân	376						376																			Giữ nguyên mức vốn tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
28	Ban QLRPH Như Thanh	828						828																			
29	BQL VQG Bến En	826						826																			
30	BQL Khu BTTT Pù Hu	4.491						4.491																			
31	BQL Khu BTTN Pù Luông	1.369						1.369																			
32	BQL Khu BTTN Xuân Liên	1.054						1.054																			
33	Chi cục Kiểm lâm (Khu bảo tồn loài hạt trần quý, hiếm Nam Đông)	175						175																			
II	CẤP HUYỆN	102.661	16.633	7.030	2.043	7.560		21.397		6.075	5.907	168	38.992				38.992		4.221	1.743	4.313	3.895	1.392	3.654		346	
1	Huyện Mường Lát	14.252	1.631	672		959		3.650		887	887		2.531				2.531		567	199	641	3.564	364	168		50	Tăng 261 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
2	Huyện Quan Hóa	9.845	370			370		4.473		735	707	28	2.853				2.853		125	172	516	92	165	315		29	Giảm 17 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
3	Huyện Quan Sơn	9.299	296			296		4.061		406	406		2.874				2.874		538	132	295	239	180	252		26	Tăng 54 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
4	Huyện Bá Thước	9.770	2.041	800		1.241		1.904		990	990		3.178				3.178		154	211	722		91	441		37	Giảm 16 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
5	Huyện Lang Chánh	8.800	716		524	192		2.822		412	384	28	3.906				3.906		260	107	280		67	210		20	Tăng 144 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
6	Huyện Ngọc Lặc	8.410	2.174	623	1.228	323				278	222	56	4.536				4.536		538	149	162		128	420		25	Tăng 108 triệu đồng so Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

Tổng số vốn còn lại giao Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với sở Tài chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt



Phụ lục V: ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 THỰC HIỆN ĐIỀU 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GAN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC BIỆT LẬP 10 NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 08/NQ-ĐHND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nội dung đã phê duyệt tại Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh						Nội dung điều chỉnh						Nội dung sau điều chỉnh						Ghi chú		
		Mục tiêu các nhiệm vụ (NV)				Tổng điểm	Kế hoạch vốn năm 2022	NV 18.1 (02 điểm)		Tổng điểm		Kế hoạch vốn năm 2022		NV 18.1 (02 điểm)	Tổng điểm	Kế hoạch vốn năm 2022						
		NV 10 (7 điểm)	NV 15 (60 điểm)	NV 17.1 (60 điểm)	NV 18.1 (02 điểm)			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			Trong đó: Phân bổ cho các nhiệm vụ						
																NV 10 (7 điểm)	NV 15 (60 điểm)	NV 17.1 (60 điểm)	NV 18.1 (02 điểm)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
A	Tổng số vốn TW phân bổ						17.196									17.196	570	4.890	9.780	1.956		
B	Tổng số phân bổ vốn đợt này						17.196									17.196	570	4.890	9.780	1.956		
I	Cấp tỉnh																					
II	Cấp huyện	1	1	2		7	201	17.196		5		10	769	769	12	211	17.196	570	4.890	9.780	1.956	
1	Huyện Mường Lát					1	2	171		1		2		155	2	4	326				326	
2	Huyện Quan Hóa				1	1	62	5.304					251		1	62	5.053			4.890		163
3	Huyện Quan Sơn					1	2	171		1		2		155	2	4	326					326
4	Huyện Bá Thước		1			1	62	5.304					251		1	62	5.053		4.890			163
5	Huyện Ngọc Lặc					1	2	171					8		1	2	163					163
6	Huyện Cẩm Thủy									1		2		163	1	2	163					163
7	Huyện Thường Xuân	1					7	600		1		2		133	1	9	733	570				163
8	Huyện Như Xuân									1		2		163	1	2	163					163
9	Huyện Như Thanh					1	2	171					8		1	2	163					163
10	Huyện Thạch Thành				1	1	62	5.304					251		1	62	5.053			4.890		163



Phụ lục VI: ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH NĂM 2022 TẠI PHỤ BIỂU II.11 NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 309/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã phê duyệt tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng			17.196			17.196	
I	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và miền núi (NV 10)			600	30		570	
1	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng Bản Mạ - Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Huyện Thường Xuân	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn; phục dựng cảnh quan, đường dạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour, tuyến; xây dựng nhà trưng bày...	600	30		570	Nhiệm vụ 10
II	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu (NV 15)			5.133	243		4.890	
1	Bảo tồn văn hóa truyền thống bản Hiêu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước	Xây dựng toàn bộ không gian văn hóa làng: Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể (các công trình kiến trúc, các công cụ lao động, sinh hoạt...). Bảo tồn cảnh quan không gian văn hóa của làng, bản; Bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể (lễ hội, trò chơi, trò diễn, trang phục, nghề thủ công truyền thống, ẩm thực...)	5.133	243		4.890	Nhiệm vụ 15
III	Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (NV 17.1)			10.266	486		9.780	
1	Hang Co Phương bản Sại, xã Phú Lê, huyện Quan Hóa	Huyện Quan Hóa	Làm đường vào di tích; xây mới nhà thờ; tu bổ khuôn viên, đường điện; tường rào cấp thoát nước; xây dựng nhà trưng bày, đón tiếp khách	5.133	243		4.890	Nhiệm vụ 17.1

STT	Tên công trình	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã phê duyệt tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Hang Con Moong thôn Thành Trung, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	Xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	Xây dựng phòng trưng bày, bảo quản và giới thiệu về di tích và các di tích phụ cận phục vụ công tác quản lý và phát huy di tích di tích gắn với phát triển du lịch	5.133	243		4.890	Nhiệm vụ 17.1
IV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn các địa phương (NV 18.1)			1.197	56	815	1.956	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao bản Bàn, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát	Bản Bàn, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao bản Na Khả, thị trấn Mường Lát	Bản Na Khả, thị trấn Mường Lát	Cải tạo, sửa chữa			163	163	Nhiệm vụ 18.1
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao bản Bó, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa	Bản Bó, xã Hiền Chung, Huyện Quan Hóa	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1
4	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao Khu 2, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn	Khu 2, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1
5	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao bản Cha Khót, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	Bản Cha Khót, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	Cải tạo, sửa chữa			163	163	Nhiệm vụ 18.1
6	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao Thôn Nông Công, xã Thành Sơn, huyện Bá Thước	Thôn Nông Công, xã Thành Sơn, huyện Bá Thước	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1
7	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc	Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1
8	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	Thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	Cải tạo, sửa chữa			163	163	Nhiệm vụ 18.1
9	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao thôn Làng Mải, xã Bình Lương, huyện Như Xuân	Thôn Làng Mải, xã Bình Lương, huyện Như Xuân	Cải tạo, sửa chữa			163	163	Nhiệm vụ 18.1
10	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao Thôn Tân Hùng, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	Thôn Tân Hùng, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1

STT	Tên công trình	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã phê duyệt tại Nghị quyết 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao thôn Na Nghịu, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Thôn Na Nghịu, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Cải tạo, sửa chữa			163	163	Nhiệm vụ 18.1
12	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	Thôn Thành Tân, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	Cải tạo, sửa chữa	171	8		163	Nhiệm vụ 18.1



Phụ lục VII: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NÂNG TẦM THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: TẠO TÓN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC ĐƠN VỊ 9 NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 309/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022												Các nội dung sau điều chỉnh													
		Mục tiêu các nhiệm vụ (NV) thành phần của Dự án 6											Tổng số điểm	Vốn phân bổ năm 2022	Mục tiêu các nhiệm vụ (NV) thành phần của Dự án 6											Tổng số điểm	Kinh phí phân bổ 2022
		NV 3 (3,5 điểm/nv)	NV 4 (0,6 điểm/nv)	NV 6 (3,5 điểm/nv)	NV 7 (3,5 điểm/nv)	NV 8 (02 điểm/nv)	NV 9 (0,5 điểm/nv)	NV 13.1 (0,3 điểm/nv)	NV 16 (0,3 điểm/nv)	NV 17.2 (05 điểm/nv)	NV 18.2 (0,3 điểm/nv)	NV 3 (3,5 điểm/nv)			NV 4 (0,6 điểm/nv)	NV 5 (02 điểm/nv)	NV 6 (3,5 điểm/nv)	NV 7 (3,5 điểm/nv)	NV 8 (02 điểm/nv)	NV 9 (0,5 điểm/nv)	NV 14 (3,5 điểm/nv)	NV 16 (0,3 điểm/nv)	NV 17.2 (05 điểm/nv)	NV 18.2 (0,3 điểm/nv)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
A	Tổng số vốn TW phân bổ												4.750													4.750	
B	Tổng số phân bổ vốn đợt này												4.750													4.750	
1	Cấp tỉnh												950			1					1				5,5	529	
1	Sơ Văn hóa, Thể thao và Du lịch												950			1					1				5,5	529	
II	Cấp huyện	1	12	1	1	1	22	1	5	1	7	42,3	3.800	1	10		1	1	2	29		6	1	7	43,9	4.221	
1	Huyện Mường Lát		2				2		3		1	3,4	305		2				1	3		3		1	5,9	567	
2	Huyện Quan Hóa		1				2				1	1,9	171							2				1	1,3	125	
3	Huyện Quan Sơn		1		1		2				1	5,4	485		1			1		3					5,6	538	
4	Huyện Bá Thước		1				2				1	1,9	171		1					2					1,6	154	
5	Huyện Lang Chánh		1				2					1,6	144		1					3		2			2,7	260	
6	Huyện Ngọc Lặc		1	1			2				1	5,4	485		1		1			3					5,6	538	
7	Huyện Cẩm Thủy		1			1	2					3,6	323		1					3		1		1	2,7	260	
8	Huyện Thường Xuân		1				2					1,6	144		1					2				1	1,9	183	
9	Huyện Như Xuân	1	1				2					5,1	458	1	1					3				1	5,9	567	
10	Huyện Như Thanh		1				2	1			1	4,9	440		1			1		3				1	4,4	423	
11	Huyện Thạch Thành		1				2		2	1	1	7,5	674							2			1	1	6,3	606	

Phụ lục VIII: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 DỰ ÁN 10: BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CŨ UY TÍN; PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO TÀI DUYÊN BIỂU HIỆN 14 NGHỊ QUYẾT SỐ 302/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 309/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13/7/2022			Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Xã thuộc vùng DTTS & MN	Số điểm (27 điểm/xã)	Vốn phân bổ năm 2022		
1	2	3	4	5		6
A	Tổng số vốn TW phân bổ			4.507	4.507	
B	Tổng số vốn phân bổ đợt này			4.507	4.507	
-	Phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào			4.507	4.507	
I	Cấp tỉnh			856	853	
1	Ban Dân tộc			676	673	Giảm 03 triệu đồng so với Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
II	Cấp huyện	174	4.698	3.651	3.654	Điều chỉnh tăng 03 triệu đồng để đảm bảo theo đúng số liệu sau khi cộng từ số vốn bố trí cho các huyện